

Số: 525 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án giá nước và giá tiêu thụ nước của Liên doanh:
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - Công ty Cổ phần
và Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu sản xuất và cung cấp
trong Khu kinh tế Nghi Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001 PL-UBTVQH 10 ngày 04/4/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124 /2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2011 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi và quản lý tài chính của Công ty Nhà nước làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ: Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/05/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ Xây dựng về việc “Công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 308/TTr-STC-TCDN ngày 24/01/2018 về việc đề nghị phê duyệt Phương án giá nước và giá tiêu thụ nước của Liên doanh: Tổng Công ty Đầu tư XD và Thương mại Anh Phát - CTCP và Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu sản xuất và cung cấp trong Khu kinh tế Nghi Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án giá nước và giá tiêu thụ nước của Liên doanh: Tổng Công ty Đầu tư XD và Thương mại Anh Phát - CTCP và Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu sản xuất và cung cấp trong Khu kinh tế Nghi Sơn, với các nội dung chính như sau:

1. Sản lượng nước sạch sản xuất: 13.312.500 m³

2. Tỷ lệ nước hao hụt trên hệ thống: 20%

3. Sản lượng nước sạch hàng hóa: 10.650.000 m³

4. Phê duyệt giá bán nước cho các đối tượng

a) Giá nước sạch hàng hóa bình quân (làm tròn số): 17.920 đồng/m³

b) Giá nước thô hàng hóa bình quân (làm tròn số): 7.940 đồng/m³

(Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT và được giao tại đồng hồ đo đếm của khách hàng tiêu thụ nước)

c) Giá bán nước sạch cụ thể cho các đối tượng sử dụng nước:

Căn cứ điểm c, Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn và phương án giá nước sạch nêu trên được UBND tỉnh phê duyệt; giao Liên doanh: Tổng Công ty Đầu tư XD và Thương mại Anh Phát - CTCP và Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu căn cứ hệ số tính giá tối đa quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 7 Thông tư này để xác định giá bán cho từng đối tượng cụ thể theo quy định.

5. Thời gian thực hiện: Từ ngày bắt đầu cấp nước (28/07/2017).

(Có Phương án giá nước kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ phương án giá nước được phê duyệt, giao Liên doanh: Tổng Công ty Đầu tư XD và Thương mại Anh Phát - CTCP và Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu chịu trách nhiệm thông báo và ký hợp đồng cung cấp nước với các tổ chức, cá nhân; thực hiện hạch toán kế toán, chấp hành các nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp theo chức năng nhiệm vụ được giao, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện của Liên doanh: Tổng Công ty Đầu tư XD và Thương mại Anh Phát - CTCP và Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu, đảm bảo chất lượng nước và chế độ chính sách do Nhà nước quy định.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn các đơn vị cung cấp nước trong Khu kinh tế Nghi Sơn rà soát, xây dựng Phương án điều chỉnh giá và hoàn chỉnh thủ tục theo quy định, thẩm định trình UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với mặt bằng chung.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia; Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư XD và Thương mại Anh Phát - CTCP, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

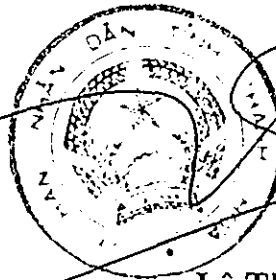
Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - UB MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
 - Các Ban HĐND tỉnh;
 - Công báo tỉnh Thanh Hóa;
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
 - Lưu: VT, KTTC (HYT).
- QDCĐ 18-004

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

PHƯƠNG ÁN

Giá nước và giá tiêu thụ nước của Liên doanh: Tổng Công ty Đầu tư XD và Thương mại Anh Phát - CTCP và Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu sản xuất và cung cấp trong Khu kinh tế Nghi Sơn
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 525 /QĐ-UBND ngày 06 /02/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. Căn cứ pháp lý

Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001 PL-UBTVQH 10 ngày 04/4/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Nghị định số 124 /2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2011 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch;

Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ;

Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi và quản lý tài chính của Công ty Nhà nước làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ: Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/05/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ Xây Dựng về việc “Công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước”.

8. Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

II. Nguyên tắc

Nguyên tắc tính giá nước: Thực hiện đúng nguyên tắc tính giá được quy định tại Điều 51 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ.

III. Phương pháp thẩm định

A. Xác định giá nước thô hàng hóa

1. Xác định công suất và sản lượng:

1.1. Kế hoạch sản xuất:

- Công suất thiết kế của hệ thống: $90.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Số ngày vận hành trong năm: 350 ngày (Còn 15 ngày/năm để sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống).

- Sản lượng nước thô theo công suất thiết kế: $31.500.000\text{ m}^3/\text{năm}$

- Sản lượng nước thực hiện:

- + Đơn vị đề nghị: $16.625.000\text{ m}^3/\text{năm}$. Đạt 52,8%

- + Kết quả thẩm định: $18.900.000\text{ m}^3/\text{năm}$, đạt 60% (Theo Quyết định số 1042/2014/QĐ-UBND ngày 11/4/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt lộ trình tăng giá nước áp dụng cho Dự án xây dựng hệ thống cấp nước khu Nghi Sơn sản xuất và vay vốn ADB)

1.2. Tỷ lệ hao hụt :

Vận dụng quy định tại Thông tư liên bộ số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNN quy định: Đối với toàn bộ mạng cấp nước đã đưa vào sử dụng dưới 10 năm: 23%

- Đơn vị đề nghị: 5%

- Kết quả thẩm định: 5%

1.3. Sản lượng nước hàng hóa:

Sản lượng nước thô hàng hóa:

- Đơn vị đề nghị $15.750.000\text{ m}^3/\text{năm} \sim 16.625.000.000\text{ m}^3 \times (100\% - 5\%)$.

- Kết quả thẩm định: $17.955.000\text{ m}^3/\text{năm} = 18.900.000\text{ m}^3 \times (100\% - 5\%)$.

2. Chi phí nguyên nhiên vật liệu:

2.1. Nước thô đầu nguồn: Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ, giá mua nước thô: $900\text{ đồng}/\text{m}^3$.

2.2. Tiền điện vận hành sản xuất:

Quyết định số 4495/QĐ-BCT ngày 30/11/2017 của Bộ Công thương thi hành từ 01/12/2017. Giá bán điện theo giờ thông thường: $1.572\text{ đồng}/\text{kWh}$; giờ thấp điểm $953\text{ đồng}/\text{kWh}$; giờ cao điểm $2.862\text{ đồng}/\text{kWh}$; Đơn vị đề nghị là: $1.802\text{ đồng}/\text{kWh}$. Số thẩm định tính cho 24 giờ làm việc: $1.660\text{ đồng}/\text{kWh}$.

- Đơn vị đề nghị: Lượng điện năng tiêu thụ theo công suất thực tế của các máy móc, thiết bị: $11.342.822\text{ KWh}$.

- Kết quả thẩm định: Tạm tính bằng đề nghị của đơn vị là $11.342.822\text{ KWh}$ (tính theo công suất và sử dụng thực tế của hệ thống máy bơm); định mức cụ thể sẽ tính theo văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng.

2.3. Chi phí nguyên vật liệu phụ:

Xác định khối lượng vật tư trên cơ sở báo cáo của đơn vị và so sánh thấp hơn vận dụng định mức quy định tại Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014; đơn giá theo giá cả thị trường có so sánh với Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa và Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Bình Minh.

3. Chi phí nhân công và các khoản thanh toán cho người lao động:

3.1. Tiền lương.

a) Đơn giá tiền lương

- Hệ số thang bậc lương tính theo Nghị định số 590/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và hệ số công nhân sản xuất nước thợ bậc 4/7 là 2,55.

- Mức lương tối thiểu là 1.300.000 đồng/tháng (theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/04/2017 của Chính phủ áp dụng từ ngày 1/7/2017)

b) Số lượng lao động trực tiếp:

Xác định số lượng lao động trực tiếp trên cơ sở báo cáo của đơn vị và so sánh thấp hơn vận dụng định mức quy định tại Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 và thực tế tại đơn vị.

Số lao động trực tiếp là 45 người

c) Số lao động quản lý: 12 người.

3.2. Các chế độ bảo hiểm.

Các chế độ về BHXH, BHYT, KPCĐ, Trợ cấp thất nghiệp tính theo chế độ hiện hành: 23,5%.

3.3. Các khoản chi ngoài lương cho người lao động gồm: Kaba, Ăn ca, an toàn vệ sinh lao động tính theo số lao động thực tế.

4. Chi phí sản xuất chung

4.1. Khấu hao TSCĐ

- Giá trị tài sản: do Dự án chưa lập báo cáo quyết toán nên tạm tính tổng mức đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 10/06/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh và Quyết định số 08/QĐ-ATP ngày 28/7/2016 ngày 28/7/2016 của Tổng Công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP (bao gồm cả chi phí bồi thường GPMB) và các tài liệu xác định giá trị tài sản, phân loại tài sản tạm thời theo đề nghị của Liên doanh; lãi vay trong quá trình đầu tư theo Biên bản đã ký giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa và Liên doanh: Tổng Công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP và Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu.

- Thời gian trích khấu hao: Theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và phù hợp với thời gian tính khấu hao của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa và Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Bình Minh.

- + Đối với tuyến ống nước thô: 20 năm
- + Đối với nhà cửa, vật kiến trúc: 15 năm.
- + Đối với máy móc, thiết bị động lực: 10 năm

4.2. Chi phí sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên

- Chi phí khấu hao sửa chữa lớn bằng 20% khấu hao cơ bản.
- Chi phí sửa chữa thường xuyên bằng 25% khấu hao sửa chữa lớn.

4.3. Thuế môn bài: tính theo thực tế công ty nộp.

4.4. Thuế tài nguyên:

Theo Công văn số 236/UBND-KTTC ngày 6/01/2017 của UBND tỉnh về việc giá nước mặt từ công trình thủy lợi cho sản xuất nước sạch và sản xuất nước công nghiệp, giá nước cấp từ công trình thủy lợi để sản xuất công nghiệp và nước sạch bằng mức quy định tại Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ, cụ thể: 900 đồng/m³; Theo nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 quy định thuế suất đối với nước mặt để dùng cho mục đích khác: 3% .

5. Chi phí bán hàng: bao gồm: chi phí in hóa đơn, VPP phục vụ in hóa đơn, chi phí quảng cáo, hội nghị khách hàng... tạm tính trên cơ sở vận dụng phù hợp với các doanh nghiệp cấp nước trên địa bàn (Công ty CP Cấp nước Thanh Hóa).

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp: Trên cơ sở vận dụng phù hợp với các doanh nghiệp cấp nước trên địa bàn (Công ty CP Cấp nước Thanh Hóa)

7. Chi phí tài chính: xác định trên dư nợ vay và lãi suất vay (tính trung bình là 9,3%/năm) theo phương án tính toán của Liên doanh. Lãi vay vốn lưu động tạm tính bằng khoảng 1% tổng giá thành + lợi nhuận.

8. Lợi nhuận định mức: tính bằng 5% giá thành toàn bộ.

9. Giá nước thô hàng hóa sau khi thẩm định (Làm tròn số): 7.940 đồng/m³

(Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

(Có biểu chi tiết kèm theo)

B. Xác định giá nước sạch:

1. Xác định công suất và sản lượng:

1.1. Kế hoạch sản xuất:

- Công suất thiết kế của hệ thống: 60.000m³/ngày đêm
- Số ngày vận hành trong năm: 355 ngày (Còn 10 ngày/năm để sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống) .

- Sản lượng nước sản xuất theo công suất thiết kế: 21.300.000 m³/năm

- Sản lượng nước thực hiện:

+ Đơn vị đề nghị: 13.312.500 m³/năm. Đạt 62,5%

+ Kết quả thẩm định: 13.312.500 m³/năm. Đạt 62,5%

1.2. Tỷ lệ hao hụt :

- Theo quy định tại Thông tư liên bộ số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNN quy định: Đối với toàn bộ mạng cấp nước đã đưa vào sử dụng dưới 10 năm: 23%.

- Đơn vị đề nghị: 20%
- Kết quả thẩm định: Do hệ thống mới đi vào hoạt động nên đề nghị tỷ lệ hao hụt là 20%

1.3. Sản lượng nước hàng hóa:

Sản lượng nước hàng hóa:

+ Đơn vị đề nghị: $10.650.000 \text{ m}^3/\text{năm} = 13.312.500 \text{ m}^3 \times (100\% - 20\%)$.

+ Kết quả thẩm định: $10.650.000 \text{ m}^3/\text{năm} = 13.312.500 \text{ m}^3 \times (100\% - 20\%)$.

2. Chi phí nguyên nhiên vật liệu:

2.1. Nước thô đầu vào (nước thô hàng hóa): 7.940 đồng/ m^3

2.2. Tiền điện vận hành sản xuất:

Quyết định số 4495/QĐ-BCT ngày 30/11/2017 của Bộ Công thương thi hành từ 01/12/2017. Giá bán điện theo giờ thông thường: 1.572 đồng/kwh; giờ thấp điểm 953 đồng/kwh; giờ cao điểm 2.862 đồng/kwh; Đơn vị đề nghị là: 1.802 đồng/kwh. Số thẩm định tính cho 24 giờ làm việc: 1.660 đồng/kWh.

Lượng điện năng tiêu thụ lấy theo định mức tại Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 (áp dụng cho sản xuất nước sạch từ nguồn nước mặt):

Đối với nhà máy $\leq 100.000 \text{ m}^3$ được tính như sau: 0,489 KWh/ m^3 .

2.3. Chi phí nguyên vật liệu:

Xác định khối lượng trên cơ sở định mức quy định tại Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014; đơn giá theo giá cả thị trường có so sánh với Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa và Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Bình Minh.

3. Chi phí nhân công và các khoản thanh toán cho người lao động:

3.1. Tiền lương:

a) Đơn giá tiền lương:

- Hệ số thang bậc lương tính theo Nghị định số 590/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và hệ số công nhân sản xuất nước thợ bậc 4/7 là 2,55.

- Mức lương tối thiểu là 1.300.000 đồng/tháng (theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/04/2017 của Chính phủ áp dụng từ ngày 1/7/2017)

b) Số lượng lao động trực tiếp:

- Định mức quy định tại Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng cụ thể như sau: Đối với nhà máy $\leq 100.000 \text{ m}^3$ được tính như sau: 0,0009 công/ m^3 , tương ứng 61 lao động trực tiếp.

- Đơn vị đề nghị: 75 lao động.

- Kết quả thẩm định: 61 lao động

c) Lao động gián tiếp 07 người gồm: quản lý vận hành mạng cấp nước, bảo dưỡng thiết bị trên mạng và xúc xả đường ống cấp nước.

Lao động quản lý: 17 người trong đó có 05 người kiêm nhiệm.

3.2. Các chế độ bảo hiểm: Các chế độ về BHXH, BHYT, KPCĐ, Trợ cấp thất nghiệp tính theo chế độ hiện hành: 23,5%. Số lượng lao động tính theo số lao động thực tế.

3.3. Các khoản chi ngoài lương cho người lao động gồm: Kaba; Ăn ca; an toàn vệ sinh lao động tính theo số lao động thực tế.

4. Chi phí sản xuất chung

4.1. Khấu hao TSCĐ:

- Giá trị tài sản: do Dự án chưa lập báo cáo quyết toán nên tạm tính tổng mức đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ- UBND ngày 10/06/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh và Quyết định số 08/QĐ-ATP ngày 28/7/2016 ngày 28/7/2016 của Tổng Công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP (bao gồm cả chi phí bồi thường GPMB) và các tài liệu xác định giá trị tài sản, phân loại tài sản tạm thời theo đề nghị của Liên doanh; lãi vay trong quá trình đầu tư theo Biên bản đã ký giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa và Liên doanh Tổng Công ty đầu tư XD và Thương mại Anh Phát - CTCP và Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu.

- Thời gian trích khấu hao: Theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và phù hợp với thời gian tính khấu hao của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa và Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Bình Minh.

+ Đối với tuyến ống nước thô: 20 năm

+ Đối với nhà cửa, vật kiến trúc: 15 năm.

+ Đối với máy móc, thiết bị động lực: 10 năm

4.2. Chi phí sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên:

- Chi phí khấu hao sửa chữa lớn bằng 20% khấu hao cơ bản.

- Chi phí sửa chữa thường xuyên bằng 25% khấu hao sửa chữa lớn.

4.3 Chi phí trích trước đồng hồ đo nước: Tính theo quy định tại Nghị định số: 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ.

5. Chi phí bán hàng: bao gồm: tiền lương và các khoản theo lương nhân viên bán hàng; chi phí in hóa đơn, VPP phục vụ in hóa đơn theo định mức quy định tại Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng và vận dụng phù hợp với các doanh nghiệp cấp nước trên địa bàn (Công ty CP Cấp nước Thanh Hóa)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

6.1. Phí chi trả môi trường rừng: Theo Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả môi trường rừng quy định đối với các cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch: Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch là 52 đồng/m³ nước thương phẩm.

6.2. Một số khoản chi phí khác: Trên cơ sở vận dụng phù hợp với các doanh nghiệp cấp nước trên địa bàn (Công ty CP Cấp nước Thanh Hóa).

7. Chi phí tài chính: xác định trên dư nợ vay và lãi suất vay (tính trung bình là 9,3%/năm) theo phương án tính toán của Liên doanh. Lãi vay vốn lưu động tạm tính bằng khoảng 4% tổng giá thành + lợi nhuận trên cơ sở tham khảo tính toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa.

8 Lợi nhuận định mức: tính theo quy định tại Thông tư Liên tịch số: 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNN hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn: tính bằng 5% giá thành toàn bộ.

9. Giá nước sạch hàng hóa sau khi thẩm định (làm tròn): 17.920 đồng/m³
(Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

IV. Tổng hợp giá thành, dự kiến mức giá bán nước:

1. Sản lượng nước sạch sản xuất: 13.312.500 m³

2. Tỷ lệ nước hao hụt trên hệ thống: 20%

3. Sản lượng nước sạch hàng hóa: 10.650.000 m³

4. Giá nước sạch hàng hóa bình quân (làm tròn): 17.920 đồng/m³

Trong đó: Giá nước thô hàng hóa bình quân (làm tròn): 7.940 đồng/m³

(Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT và được giao tại đồng hồ đo đếm của khách hàng tiêu thụ nước)

5. Giá bán nước sạch cụ thể cho các đối tượng sử dụng nước:

Căn cứ Điểm c, Khoản 2, Điều 7 Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ: Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn và giá nước bình quân được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh; giao Liên doanh: Tổng Công ty Đầu tư XD và Thương mại Anh Phát - CTCP và Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu căn cứ hệ số tính giá tối đa quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 7 Thông tư này để xác định giá bán cho từng đối tượng cụ thể theo quy định.

6. Thời gian áp dụng: Từ ngày bắt đầu cấp nước (28/07/2017).

Trên đây là phương án giá nước và giá tiêu thụ nước tạm thời. Sau khi có ý kiến của Bộ Xây dựng về định mức sản xuất nước thô do Liên doanh xây dựng; đồng thời sau khi nhà máy đi vào hoạt động ổn định, có quyết toán chính thức dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định hoặc giá nước tăng trên 10% giá đã công bố, giao Liên doanh triển khai lập phương án giá nước gửi các ngành thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt chính thức.